TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46A/2025/KDTM-ST
Ngày: 23 - 5 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Kim Sang

2. Bà Trần Thị Lệ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Ngọc Mùi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2024/TLST-KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc: "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 48/2025/QĐST-KDTM ngày 6 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Phú H, sinh năm 1965 (vắng mặt) – chủ hộ kinh doanh Nguyễn Phú H.

Địa chỉ: Tổ E, khu phố A, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Phú H: Ông Trương Quốc Q, sinh năm 1984. (theo văn bản uỷ quyền ngày 07/3/2025). (có mặt)

Địa chỉ: Số A V, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Kim O, sinh năm 1968 (vắng mặt)

- Chị Dương Thị Tố T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của bà O và chị T: Ông Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1987. (theo văn bản uỷ quyền ngày 15/5/2025). (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số E T, khu phố G, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1987 – Chức vụ: Giám đốc (có mặt)

Địa chỉ: Số E T, khu phố G, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng như tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Trương Quốc Q trình bày:

Vào năm 2021, bà H và bà Nguyễn Kim O và con gái là Dương Thị Tố T có mối quan hệ làm ăn với nhau, bà là người bán cá tươi, cá ba chỉ và vận chuyển cá từ Phú quốc ra Rạch G cho bà O và chị T. Bà O và chị T mua đem về vựa cá để sẻ làm thành phẩm cá khô. Thời gian đầu, bà O và chị T thanh toán tiền bạc rõ ràng. Chị T và chồng chị T là Nguyễn Quốc Đ thường thanh toán thông qua chuyển khoản cho bà H qua tài khoản Ngân hàng, tuy vẫn còn nợ lại một ít tiền chưa thanh toán, nhưng bà H vẫn tiếp tục chuyển cá tươi cho bà O và chị T theo nhu cầu. Sau đó, bà H yêu cầu bà O và vợ chồng Đ, T thanh toán, chuyển tiền qua cho bà H số tiền còn nợ nhưng vẫn không chuyển tiền, thanh toán cho bà H. Do vậy, bà H không bán và không vận chuyển cá qua cho bà O, T và Đắc nữa. Đồng thời, bà H có liên lạc, qua điện thoại rất nhiều lần cho bà O và chị T và anh Đ nhưng chỉ có hứa lần này, đến lần khác mà đến nay vẫn không thanh toán tiền cho bà H. Những lần bà H liên lạc qua điện thoại được cho bà O thì bà O hứa xin trả 5 triệu đồng, có lần thì nói để con gái bà là T thanh toán cho bà H.

Đến khoảng 25/9/2023, bà H có đến chỗ vựa cá của chị T, anh Đ thì có gặp trực tiếp chị T và chị T chỉ hứa hẹn và có ghi vào sổ nợ tiền cá của bà H là tổng số tiền chưa thanh toán không tính tiền lẻ là 238.420.000 đồng, nếu cộng số tiền lẻ vào nữa thì số tiền là 238.536.000đồng và chị T ghi hứa trả tiền nợ trên mỗi tháng là: 3.000.000 đồng, tính từ ngày 25/09/2023 âm lịch. Nhưng đến nay vẫn không thanh toán tiền cho bà H. Bà H đã bán cá cho chị T, anh Đ, bà O các lần cụ thể như sau:

- Ngày 13/01/2022 (âm lịch). Mua cá chỉ giá: 755kg x 19.000₫. = 14.725.000đ và C chỉ giá: 1.085kg x 16.500đ. = 17.900.000₫.

- Ngày 15/01/2022 mua cá chỉ giá: 425kg x 20.000₫. = 8.500.000₫.

- Ngày 16/01/2022 mua cá chỉ giá: 3.284kg x 20.000₫. 65.680.000₫.

- Ngày 18/01/2022 mua cá chỉ giá: 615kg x 20.000đ. = 12.300.000₫.
- Ngày 25/01/2022 mua cá chỉ giá: 858kg x 18.000₫. = 15.440.000₫.
- Ngày 26/01/2022 mua cá chỉ giá: 1.790kg x 17.500₫. 31.325.000₫.
- Ngày 27/01/2022 mua cá chỉ giá: 857kg x 18.000₫. = 15.425.000₫.
- Ngày 28/01/2022 mua cá chỉ giá: 325kg x 18.000₫. = 5.850.000₫.
- Ngày 29/01/2022 mua cá chỉ giá: 1.125kg x 18.000₫. = 20.250.000₫.

mua cá chỉ giá: 810kg x 16.000₫. = 12.960.000₫.

- Ngày 01/02/2022 mua cá chỉ giá: 3.435kg x 17.000₫. = 58.395.000₫.
- Ngày 03/02/2022 mua cá chỉ giá: 376,5kg x 18.000₫ = 6.777.000₫.
- Ngày 04/01/2022 mua cá chỉ giá: 1.998kg x 16.000₫ = 31.968.000₫.
- Ngày 05/02/2022 mua cá chỉ giá: 349kg x 17.000₫. = 5.933.000₫.
- Ngày 09/02/2022 mua cá chỉ giá: 812kg. x 17.000d. = 13.804.000₫.
- Ngày 11/02/2022 mua cá chỉ giá: 608kg. x 17.000₫. = 10.336.000₫
- Ngày 12/02/2022 mua cá chỉ giá: 767kg x 17.000d =13.039.000₫.
- Ngày 28/02/2022 mua cá chỉ giá: 796 kg x 17.000d. = 13.530.000d.
- Ngày 18/03/2022 mua cá chỉ giá: 810kg. x 17.000d = 13.770.000d.

mua cá chỉ giá: 116kg x 16.000₫ = 1.856.000₫.

- Ngày 19/03/2022 mua cá chỉ giá: 358kg x 17.000d = 6.086.000₫.
- Ngày 23/03/2022 mua cá chỉ giá: 1.245kg x 17.500₫ = 21.787.000d.
- Ngày 24/03/2022 mua cá chỉ giá: 1.604kg x 17.500₫. = 28.070.000₫.
- Ngày 28/03/2022 mua cá chỉ giá: 2.093kg x 18.500₫ = 38.720.000d.
- Ngày 29/03/2022 mua cá chỉ giá: 1.147 kg x 17.000₫ =19.499.000₫.
- Ngày 30/03/2022 mua cá chỉ giá: 1.542kg x 17.000₫ = 26.214.000d.
- Ngày 03/04/2022 mua cá chỉ giá: 1.758kg x 17.000₫ = 29.886.000d.
- Ngày 04/04/2022 mua cá chỉ giá: 429kg x 17.000₫ = 7.293.000d.
- Ngày 06/04/2022 mua cá chỉ giá: 1.195kg x 17.000₫ = 20.315.000₫.
- Ngày 15/04/2022 mua cá chỉ giá: 1.500kg x 17.500₫= 26.250.000d.
- Ngày 25/04/2022 mua cá chỉ giá: 1.820kg x 19.000₫ = 34.580.000₫.

Tổng số cá bán là: 35.325,5kg = 648.536.000 đồng.

Quá trình mua bán với nhau thì bà H và chị T, anh Đ, bà O chỉ mua bán qua điện thoại với nhau do bà H ở ngoài P nên không làm hợp đồng mua bán gì, bà H có ghi các lần bán cá cho vợ chồng T, Đ, bà O qua sổ bán cá của bà, một phần do giữa hai bên cũng có quen biết với nhau. Bà H xác nhận số tiền chị T, anh Đ, bà O đã trả được cho bà H số tiền thông qua chuyển khoản Ngân hàng do chị T, anh Đ chuyển khoản cụ thể là ngày 08/03/2022 anh Đ chuyển khoản là 100.000.000 đồng, ngày 14/03/2022 chị T chuyển khoản là 75.000.000đồng, ngày 30/03/2022 chị T chuyển khoản trả 50.000.000đồng, ngày 03/05/2022 chị

T chuyển khoản trả 35.000.000đồng, ngày 05/05/2022 anh Đ chuyển khoản trả 40.000.000đồng, ngày 05/05/2022 chị T chuyển khoản trả 10.000.000 đồng, ngày 17/05/2022 chị T chuyển khoản trả 30.000.000 đồng, ngày 21/05/2022 chị T trả chuyển khoản 40.000.000đồng, ngày 25/05/2022 chị T chuyển khoản trả 30.000.000đồng, ngày 23/2/2022 chị T chuyển khoản trả 65.000.000 đồng và ngày 02/3/2022 Đắc chuyển khoản trả 54.000.000 đồng, tổng cộng trả được 529.000.000 đồng, hiện còn nợ là 119.536.000 đồng.

Tại phiên toà đại diện uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu như sau: Yêu cầu chị T và Công ty TNHH N – đại diện là anh Nguyễn Quốc Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền mua cá chỉ của bà H còn nợ là 119.536.000 đồng, đồng ý làm tròn số tiền là 119.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 25/5/2022 cho đến nay là 10%/năm, xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 119.000.000 đồng và xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà O.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Kim O, chị Dương Thị Tố T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc Đ - Giám đốc Công ty TNHH N trình bày như sau:

Anh Đ là chồng của chị Dương Thị Tố T, bà Nguyễn Kim O là mẹ vợ anh, còn bà Nguyễn Phú H là bà con bên bà O, hiện anh và chị T vẫn là vợ chồng. Anh Đ có đăng ký kinh doanh với tên Công ty TNHH N. Anh xác nhận, vào khoảng năm 2021 thì anh Đ có mua cá chỉ, cá đù của vựa cá do bà Nguyễn Phú H làm chủ, anh là người trực tiếp giao dịch mua cá với bà H, mẹ vợ anh và vợ anh hoàn toàn không có liên quan hay biết gì đến việc mua bán cá giữa anh với bà H, mẹ vợ anh và vợ anh chỉ phụ anh làm cá trong hãng, còn các giao dịch mua bán cá và thanh toán tiền đều là anh giao dịch với bà H. Anh mua cá nhiều lần của bà H và bà H vận chuyển cá từ P về Rạch G cho anh, anh Đ mua về để xẻ, chế biến và phơi khô cá, mỗi lần mua bán cá thì anh Đ có thanh toán đầy đủ cho bà H, anh Đ thanh toán cho bà H bằng cách chuyển khoản cho bà H thông qua Ngân hàng S. Đến hết năm 2022 thì anh không còn mua cá của bà H nữa, anh xác nhận tất cả các lần mua cá của bà H thì anh đều chuyển khoản trả cho bà H xong nên không còn nợ bà H khoản tiền nào cả.

Anh xác nhận giữa hai bên giao dịch mua bán cá không có làm hợp đồng mua bán gì, chủ yếu giao dịch bằng điện thoại, mỗi lần bà H chuyển cá về Rạch G cho anh thì anh có ghi trong sổ sách, số lượng cá mua bao nhiêu, hiện sổ sách không còn vì mỗi lần trả tiền xong thì anh đốt hết sổ sách nên không còn để đối chiếu các lần mua bán cá với bà H được nhưng anh xác nhận đã chuyển khoản trả xong tiền mua cá cho bà H, việc chuyển khoản trả tiền xong cho bà H thì anh

không có chứng cứ tài liệu chứng minh đã chuyển khoản trả xong cho bà H để cung cấp cho Toà án.

Anh Đ xác nhận ngày tháng năm anh không nhớ rõ thì bà H có đến nhà anh Đ, chị T ở số E T, khu phố G, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và gặp vợ anh Đ để chốt nợ, khi đó anh không có mặt ở nhà nên anh không biết việc vợ anh có ghi phần chữ là xin trả bà H mỗi tháng là 3 triệu đồng, mãi sau này vợ anh mới nói với anh thì anh mới biết là vợ anh có chốt nợ lại với bà H, anh thừa nhận vợ anh có ghi phần chữ là xin trả bà H mỗi tháng là 3 triệu đồng trong sổ sách của bà H đã cung cấp lên Toà án.

Tại phiên toà, anh Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chị T, bà O có ý kiến như sau: Anh không đồng ý thanh toán số tiền nợ theo đơn khởi kiện của bà H vì anh đã chuyển khoản trả xong cho bà H, đồng thời anh yêu cầu Toà án không xem xét nghĩa vụ thanh toán nợ của chị T và bà O trong vụ kiện này vì chị T và bà O không liên quan đến giao dịch mua bán cá giữa anh và bà H, mọi giao dịch mua bán cá đều do anh Đ thực hiện.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Phú H đối với bị đơn Dương Thị Tố T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH N – đại diện là anh Nguyễn Quốc Đ. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 119.000.000 đồng và đối với yêu cầu khởi kiện bà O do nguyên đơn tự nguyện rút tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Phú H - chủ hộ kinh doanh Nguyễn Phú H có đơn khởi kiện yêu cầu chị Dương Thị Tố T, bà Nguyễn Kim O phải trả cho bà H số tiền mua bán cá còn nợ và tiền lãi theo quy định của pháp luật, tại phiên toà bà H yêu cầu Công ty TNHH N – đại diện là ông Nguyễn Quốc Đ, chức vụ: Giám đốc có trách nhiệm cùng chị T trả tiền mua cá còn nợ cho bà H, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1

Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự bị đơn bà O, chị T, anh Đ có địa chỉ tại số E T, khu phố G, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, do đó theo quy định tại khoản 1, Điều 30, điểm b, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Toà án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[2] Về tố tụng:

Tại phiên toà đại diện uỷ quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền mua bán cá là 119.000.000 đồng và xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà O nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H đối với yêu cầu chị T và anh Đ trả số tiền mua bán cá còn nợ là là 119.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và anh Đ đều xác nhận từ năm 2021 đến năm 2022 giữa các bên có thoả thuận mua bán cá với nhau nhưng không lập hợp đồng mua bán, các bên giao dịch mua bán cá nhiều lần qua điện thoại và có giao dịch chuyển khoản trả tiền mua bán cá với nhau, như vậy có đủ căn cứ xác định việc giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên là sự thật. Mặc dù các bên không lập hợp đồng mà chỉ thoả thuận giao kết hợp đồng bằng miệng nhưng việc thoả thuận giữa các bên không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại tại Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật dân sựĐiều 24 của Luật thương mạivà sẽ phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù giữa hai bên không ký kết hợp đồng, không có bản đối chiếu và xác nhận công nợ nhưng theo sổ sách ghi nợ của bà H thì có phần ghi chốt nợ số tiền là 238.420 và có dòng chữ "con T gửi cho dì H tháng 3 triệu bắt đầu từ ngày 25/9/âl con gửi dì hàng tháng Dương Thị Tố T, sinh năm 1988", tại phiên toà anh Đ cũng thừa nhận có việc bà H đến nhà anh Đ, chị T để chốt nợ và cũng thừa nhận phần ghi nội dung trên là do chị T ghi. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng chị T cố tình vắng mặt không có lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, đến ngày xét xử chị T mới uỷ quyền cho anh Đ nhưng anh Đ cũng không cung cấp cho Toà án bất cứ tài liệu chứng cứ gì về việc chị T và anh Đ đã thanh toán xong tiền mua cá cho bà H. Anh Đ cho rằng có ghi lại sổ sách mỗi lần mua bán cá với bà H nhưng sau khi trả tiền xong anh đã đốt hết nên không cung cấp được cho Toà để đối chất với bà H. Qua đó, xác định được chị T

có chốt nợ với bà H là 238.420.000 đồng và xin trả dần số tiền nợ trên là có thật, chị T và anh Đ không thực hiện việc trả nợ theo cam kết nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn các bên thỏa thuận, tuy nhiên tại phiên toà đại diện của nguyên đơn xin rút lại một phần số tiền và chỉ yêu cầu anh Đ, chị T trả số tiền mua cá là 119.000.000 đồng, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, buộc anh Đ và chị T có nghĩa vụ trả số tiền mua bán còn nợ là 119.000.000 đồng là phù hợp.

[3.2] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán đối với số nợ gốc là 119.000.000 đồng từ ngày 09/11/2023 đến ngày xét xử theo lãi suất 10%/năm. Do các bên không thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán nhưng theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 thì bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Vì vậy, việc yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Nguyên đơn yêu cầu áp dụng lãi suất 10%/năm, mức lãi suất này thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử, xét thấy yêu cầu này là có lợi cho bị đơn nên HĐXX chấp nhận.

Số tiền gốc là 119.000.000 đồng x 10%/năm (0,83%/tháng) x 18 tháng = 17.778.600 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi là: 136.778.600 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đ phải chịu án phí đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà H được chấp nhận là 6.838.930 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 30, 35, 91, 147, 200, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều 24, 34, 42, 50, 55 và 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Áp dụng Điều 11 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Phú H đối với yêu cầu bà Nguyễn Kim O, chị Dương Thị Tú T1 trả số tiền mua bán cá còn nợ là 119.000.000 đồng và yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Kim O.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Phú H - chủ hộ kinh doanh Nguyễn Phú H.

3. Buộc chị Dương Thị Tố T và Công ty TNHH N – đại diện theo pháp luật là anh Nguyễn Quốc Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Phú H số tiền mua bán cá còn nợ và tiền lãi là 136.778.600 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, sáu trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị Tố T và Công ty TNHH N – đại diện theo pháp luật là anh Nguyễn Quốc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.838.930 đồng (Sáu triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm ba mươi đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Phú H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.965.000 đồng (Năm triệu, chín trăm sáu mươi năm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004657 ngày 22/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/5/2025), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Rạch Giá;
- CCTHADS TP Rạch Giá;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phan Thị Quyên